TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 69/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 31- 7- 2018
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN THU THỦY

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà HUỲNH THỊ CHI

2. Bà NGUYỄN THỊ LỆ HOA

- *Thư ký phiên tòa:* Bà NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thanh phố Vĩnh L tham gia phiên toà:* Bà PHẠM THỦY TIÊN - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:149/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018, về việc " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:469/2018/QĐXX-STHNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Lê Hữu T, sinh năm 1974* (có mặt)

Địa chỉ cư trú tại nhà số 92/30/12 Trần Phú, Phường 4, thanh phố Vĩnh L , tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: *Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1977* (có mặt)

Địa chỉ cư trú tại nhà số 240/19B, Khóm 5, Phường 5 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

Nơi sinh sống tại số 74/25A Phó Cơ Điều, Phường 3 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018, nguyên đơn Lê Hữu T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, con chung, tài sản và nợ tài sản.

Ông T khai, ông T và bà O có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 4 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L vào ngày 21/5/2013. Sau khi cưới nhau chung sống hạnh phúc, đến khoản đầu năm 2017 bắt đầu có mâu thuẫn về kinh tế. Ông T làm công nhân cho tiệm thuốc Hồng H, có mức thu nhập ổn định hàng tháng 6.000.000 đồng, còn bà O kinh doanh nước giải khát tại khu vực siêu thị Vĩnh Long. Do bà O kinh doanh thế nào không rõ, luôn phát sinh nợ kéo dài, quan tâm tìm hiểu lý do nhưng bà O không trả lời, không giải thích. Từ đó, vợ chồng thường xuyên tranh cãi với nhau và đã ly thân đến nay gần 01 năm. Ông T

không còn tin tưởng bà O, không thể duy trì hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung, có 01 con trai Lê Nhất P sinh ngày 11/6/2014, hiện tại bà O đang nuôi dưỡng. Ông T không nhận nuôi con, giao cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng và ông T cấp dưỡng nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, bằng hình thức mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản và nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có tranh chấp thì khởi kiện vụ kiện khác.

Ngày 02/7/2018 ông T xác định lại lời khai rằng, sau khi kết hôn vợ chồng mua được căn nhà số 290/14B đường 14/9 Khóm 5, Phường 5 thành phố Vĩnh L sinh sống đến năm 2017, do làm ăn thất bại nên bán căn nhà số 290/14B ra thuê sinh sống tại số 74/25A Phó Cơ Điều, Phường 3 thanh phố Vĩnh L cho đến nay. Nguyên nhân nợ là khi vợ chồng mua nhà từ nguồn vốn vợ chồng và nguồn vốn vay nợ bên ngoài, không khả năng trả tiền lãi nên ông T đứng tên vay tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng), không thế chấp tài sản. Lý do vay tiền không thế chấp là do ông T có mua xe trả góp của Ngân hàng Việt Nam Thịnh V số tiền hơn 30.000.000 đồng nhưng đã trả hết số tiền góp xe này nên mới vay được tiền của Ngân hàng nói trên. Số tiền vay Ngân hàng dùng trả lãi cho chủ nợ mà vợ chồng vay bên ngoài, nợ bên ngoài do bà O vay tiền. Từ đó mất cân đối nên bán nhà, hiện tại không còn nợ chủ bên ngoài, chỉ còn nợ Ngân hàng và cũng từ nguyên nhân này mà vợ chồng luôn bất hòa. Nay ông T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không thay đổi các yêu cầu khác.

Bà O đã được tống đạt các văn bản tố tụng, nhận hợp lệ ngày 04/5/2018 và ngày 24/5/2018 gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 22/5/2018 và ngày 11/6/2018 nhưng vắng mặt, không lý do và không có ý kiến phản hồi.

Ngày 02/7/2018 bà O yêu cầu được hoãn phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, do sức khỏe không tốt và để có thời gian thỏa thuận với ông T. Bà O khai rằng, bà O và ông T quen biết nhau được 03 năm rồi quyết định kết hôn với nhau, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L vào ngày 21/5/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng mua được căn nhà số 290/14B đường 14/9 Khóm 5, Phường 5 thanh phố Vĩnh L sinh sống đến năm 2017, do làm ăn thất bại nên bán căn nhà số 290/14B ra thuê sinh sống tại nhà số 74/25A Phó Cơ Điều, Phường 3 thanh phố Vĩnh L cho đến nay. Nguyên nhân nợ là khi vợ chồng mua nhà từ nguồn vốn của vợ chồng và nguồn vốn vay nợ bên ngoài, không khả năng trả tiền lãi nên ông T đứng tên vay tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V, không thế chấp tài sản. Lý do là ông T có mua xe trả góp của Ngân hàng Việt Nam Thịnh V nhưng đã trả hết số tiền góp này nên ông T mới vay được tiền của Ngân hàng. Số tiền vay Ngân hàng dùng trả lãi cho chủ nợ bên ngoài, từ đó mất cân đối nên bán nhà, hiện tại không còn nợ chủ bên ngoài, chỉ còn nợ Ngân hàng vài tháng. Bà O bán vé số tự chọn được hưởng hoa hồng (%), mức thu nhập bình quân trung bình tháng là 6.000.000 đồng, việc bán vé số không có phát sinh nợ. Nay theo đơn khởi kiện của ông T cho rằng vợ chồng bất hòa, xảy ra mâu thuẫn về kinh tế là đúng, về cá nhân bà O chăm chỉ làm ăn để trang trải kinh tế gia đình, không có lỗi đạo gì đối với ông T nên không đồng ý ly hôn. Nếu như ly hôn thì bà O yêu cầu đuược tiếp tục nuôi con Lê Nhất P sinh ngày 11/6/2014, hiện tại bà O đang nuôi dưỡng. Ông T phải cấp dưỡng nuôi con đến đủ 18 tuổi, bằng hình thức mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ tài sản thì không yêu cầu Tòa giải quyết, khi có tranh chấp thì khởi kiện sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai tại biên bản ngày 02/7/2018 và không có tài liệu chứng cứ gì mới để xuất trình. Ông T khai, bà O gây ra nợ là do phải mua nhà số 240/19B và xe môtô. Nguồn tiền mua tài sản từ tiền của bà O dành dụm và tiền vay Ngân hàng và mượn của người thân trong gia đình. Hiện đã bán căn nhà số 240/19B để trả nợ, Ông T còn đứng tên chủ quyền xe môtô, còn nợ Ngân hàng hơn 60.000.000 đồng. Nay không còn khả năng thanh toán nợ nên từ đó vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Bà O luôn có lời lẽ hăm dọa giết ông T nên ông T không an tâm khi chung sống với bà O, không còn tình cảm và đã ly thân. Ông T cương quyết yêu cầu được ly hôn, ông T giao con chung cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con thì chỉ có khả năng cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Ông T cho biết, lời khai mức thu nhập lương hàng tháng tại biên bản hòa giải là 6.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm có điều chỉnh mức thu nhập lương 4.000.000 đồng là vì do bà O đến cơ sở làm công gây rối nên có khả năng bị mất việc. Đối với tài sản chung và nợ tài sản thì không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện ra Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà O khai, sau khi kết hôn, bà O chăm chỉ phát triển kinh tế gia đình nên mua sắm nhà và xe môtô. Tài sản này từ nguồn tiền bà O dành dụm, vay tiền Ngân hàng và vay mượn tiền người thân trong gia đình. Khi không còn khả năng thanh toán nợ nên ông T vay tiền Ngân hàng trả nợ và mua xe trả góp nên thêm nợ. Từ đó, vợ chồng có bất đồng quan điểm và ông T đã có tình cảm với người phụ nữ khác nên luôn có lời lẽ xúc phạm danh dự và hăm dọa chém bà O nên bà O có phản ứng ngược lại hăm giết ông T rồi cùng con tự vẫn. Nay bà O nhận thấy không có lỗi đạo với chồng, con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn thì yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng ông T cho rằng, còn phải trả nợ cho Ngân hàng nên giảm mức cấp dưỡng, bà O chỉ yêu cầu mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tài sản và nợ tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có tranh chấp thì khởi kiện ra Tòa án.

Quan điểm cũa Viện kiểm sát nhân dân thanh phố Vĩnh L: Từ khi thụ lý cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật qui định. Về nội dung vụ kiện, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đuược ly hôn với bà O, cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, tài sản và nợ tài sản không đặt ra xem xét. Ông T phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về việc ly hôn, con chung, tài sản, nợ tài sản khi ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

[2]. Về nội dung: Ông T và bà O kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 4 thành phố Vĩnh L, tuân thủ về độ tuổi kết hôn. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì Ông T và bà O được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn 21/5/2013.

Xét nguyên nhân ly hôn là do các bên không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng phát triển kinh tế gia đình, đời sống chung vợ chồng luôn bất đồng quan điểm và đe dọa làm tổn thương cơ thể lẫn nhau. Mâu thuẫn này kéo dài đến nay không hàn gắn

được mà trầm trọng hơn là dẫn đến việc ly thân với nhau. Như vậy, cho thấy các bên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của Ông T là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung Lê Nhất P sinh ngày 11/6/2014, từ khi ly thân bà O tiếp tục nuôi con, đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì cháu Phong tuổi còn nhỏ. Bà O cũng có thu nhập và có nơi ở ổn định nên bà O tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là hợp lí. Còn đối với mức cấp dưỡng nuôi con, lời khai ông T về mức thu nhập là không đồng nhất, có sự thay đổi lời khai giảm mức tiền thu nhập với lý do bà O gây rối nơi làm việc, có khả năng bị mất việc là không có cơ sở. Ông T cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng so với mức thu nhập thực tế và mức chi phí sinh hoạt thiết yếu hàng ngày cho cháu Phong là chưa hợp lí. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng /tháng là phù hợp với pháp luật quy định tại Điều 81, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông T và bà O phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: " Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"; "Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản: Ông T và bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Dành cho các bên được quyền khởi kiện vụ việc dân sự khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Hữu T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí sơ thẩm dân sự, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số N^0 00038000 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thanh phố Vĩnh L; Ông Lê Hữu T phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn).

- Bà Nguyễn Thị Kim O không phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân, sơ thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Kim O.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Nhất P sinh ngày 11/6/2014 cho bà Nguyễn Thị Kim O tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc ông Lê Hữu T phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nhất P sinh ngày 11/6/2014 đến khi đủ tròn 18 tuổi, bằng hình thức mỗi tháng là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà O để nuôi con.

Ông T và bà O phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: " Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"; "Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3. Về tài sản chung và nợ tài sản: Ông T và bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Dành cho các bên được quyền khởi kiện vụ việc dânsự khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Hữu T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí sơ thẩm dân sự, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số N^0 00038000 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thanh phố Vĩnh L; Ông Lê Hữu T phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn).

- Bà Nguyễn Thị Kim O không phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân, sơ thẩm dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường
- Lưu hồ sơ tại Tòa án

NGUYỄN THU THỦY